

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2022/HS-ST

Ngày: 01-3-2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Lê Bửu Thiện;

Thẩm phán: Ông Nguyễn Thành Lượng;

Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Chi;

Bà Phan Thị Kim Tước;

Bà Châu Thị Chánh.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Lâm Vũ - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:* Ông Nguyễn Hoàng Phong - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 3 năm 2022, tại Hội trường số 4 trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai tiến hành xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 158/2021/TLST-HS ngày 20 tháng 12 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2022/QĐXXST-HS ngày 04 tháng 01 năm 2022, Thông báo về việc dời lịch xét xử số 07/2022/TB-TA ngày 20 tháng 01 năm 2022, đối với bị cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Thị Ngọc Đ**, sinh ngày 03 tháng 10 năm 1983, tại Đồng Nai.

Hộ khẩu thường trú: Khu phố N, phường S, thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai.

Chỗ ở hiện nay: Khu phố N, phường S, thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai.

Nghề nghiệp: Công nhân; Trình độ học vấn: lớp 9/12; Dân tộc: Kinh;

Giới tính: Nữ; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Phật.

Con ông: Không rõ và con bà: Nguyễn Thị H, sinh năm 1958;

Có chồng: Nguyễn H1, sinh năm 1971 và có 03 con, lớn nhất sinh năm 2005, nhỏ nhất sinh năm 2011.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị bắt tạm giam ngày 05 tháng 5 năm 2021 theo Lệnh số 36/LBBC-PC01 ngày 28 tháng 4 năm 2021 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đồng Nai. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Đồng Nai.

- *Người bào chữa theo chỉ định của bị cáo:* Ông Vũ Mạnh Hùng là Luật sư của Công ty Luật trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Minh Châu thuộc Đoàn luật sư tỉnh Đồng Nai.

Địa chỉ: số 1441 (số cũ 226) Phạm Văn Thuận, phường Thống Nhất, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

- *Bị hại:*

1. Ông Đoàn Văn H2, sinh năm 1977;

Địa chỉ: Khu phố T, phường X, thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai.

2. Ông Lê Văn C, sinh năm 1967;

Địa chỉ: Ấp T1, xã Đ1, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.

3. Ông Nguyễn Hữu H3, sinh 1977;

Địa chỉ: Khu phố S, phường S, phường S, thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai.

4. Bà Nguyễn Thị Hồng Th, sinh năm 1976;

Địa chỉ: Khu phố C1, phường S, thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai.

5. Bà Trần Thị H4, sinh năm 1975;

Địa chỉ: Khu phố C1, phường S, thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai.

6. Ông Nguyễn Văn M, sinh năm 1974;

Địa chỉ: Ấp T1, xã Đ1, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.

7. Bà Trần Thị L, sinh năm 1970;

Địa chỉ: Ấp Tân H5, xã Đ1, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.

8. Bà Trương Thị Th1, sinh năm 1968;

Địa chỉ: Ấp B, xã Đ1, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.

9. Bà Lê Thị N1, sinh năm 1978;

Địa chỉ: Ấp T1, xã Đ1, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.

10. Ông Nguyễn Văn Đ2, sinh năm 1973;

Địa chỉ: Ấp T1, xã Đ1, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.

11. Ông Hà Văn Tr, sinh năm 1962;

Địa chỉ: Ấp Tân H5, xã Đ1, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.

12. Bà Đỗ Thị Ng, sinh năm 1966;

Địa chỉ: Ấp Tân H5, xã Đ1, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.

13. Ông Nguyễn H1, sinh năm 1971;

Địa chỉ: xã S1, thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện theo ủy quyền của các bị hại bà Đỗ Thị Ng, ông Đoàn Văn H2, ông Lê Văn C, ông Nguyễn Hữu H3, bà Nguyễn Thị Hồng Th, bà Trần Thị H4, ông Nguyễn Văn M, bà Trần Thị L, bà Trương Thị Th1, bà Lê Thị N1, ông Hà Văn Tr: Bà Nguyễn Thị Lan C2, sinh năm 1974;

Địa chỉ: Số 14/20, đường Ngô Y Ninh, phường An Lạc, quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Bị cáo Đ, Luật sư Hùng, bà Chi, ông Hậu có mặt; ông Đức có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Thị Ngọc Đ là công nhân Công ty CIBAO thuộc Khu Công nghiệp thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai, có chồng là Nguyễn H1, sinh năm 1971, làm công nhân cạo mủ cao su tại Nông trường cao su An Lộc, thành phố Long Khánh thuộc Công ty trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Tổng công ty Cao su Đồng Nai (gọi tắt là Công ty Cao su Đồng Nai).

Khoảng tháng 9/2019, Đ nói với anh Hậu xin nghỉ việc, làm hồ sơ nghỉ hưu sớm để hưởng chế độ hưu trí hàng tháng theo diện suy giảm khả năng lao động thì anh Hậu đồng ý và Đ đã làm thủ tục, kê khai giúp anh Hậu để được hưởng chế độ hưu trí hàng tháng theo quy định. Biết được thông tin này và tin Đ có khả năng làm được hồ sơ hưu trí nên một số công nhân của Công ty Cao su Đồng Nai đã liên lạc nhờ Đ giúp đỡ.

Do cần tiền trả nợ nên khi được các công nhân Công ty Cao su Đồng Nai nhờ làm hồ sơ hưu trí, Đ đã đưa ra thông tin gian dối tự nhận mình có mối quan hệ với Bảo hiểm xã hội và Hội đồng giám định y khoa tỉnh Đồng Nai, có thể làm hồ sơ cho công nhân nghỉ hưu trước tuổi, hưởng chế độ hưu trí hàng tháng theo diện suy giảm khả năng lao động bằng cách đóng tiền một lần cho thời gian tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc (quy định đủ 20 năm), thời gian làm nghề hoặc công việc đặc biệt nặng nhọc, độc hại (quy định đủ 15 năm) còn thiếu và lo kết quả giám định y khoa về tỷ lệ tổn thương cơ thể. Đồng thời, Đ hứa hẹn sẽ làm xong hồ sơ trong năm 2019, bắt đầu lãnh lương hưu từ tháng 01/2020 và giữ lại sổ bảo hiểm xã hội, chứng minh nhân dân của các công nhân.

Tin lời Đ, một số công nhân đã đồng ý đưa tiền cho Đ. Sau đó, Đ trả lại sổ bảo hiểm xã hội, chứng minh nhân dân cho các công nhân và nói đã đóng tiền bảo hiểm xã hội bắt buộc, yêu cầu làm đơn xin nghỉ việc, đi khám sức khỏe (các bệnh về huyết áp, dạ dày, khớp, cột sống...) tại cơ sở y tế để phục vụ giám định y khoa. Để tạo lòng tin, trước khi trả sổ bảo hiểm xã hội, Đ tự viết chữ “Đã nhận”, ký tên người khác tại mặt trước, trang bìa các sổ bảo hiểm xã hội và giải

thích là hồ sơ đã được Bảo hiểm xã hội tỉnh Đồng Nai tiếp nhận. Sau đó, các công nhân làm đơn xin nghỉ việc nộp Công ty, đi khám sức khỏe, đưa kết quả khám bệnh và giấy tờ gồm sổ bảo hiểm xã hội, chứng minh nhân dân, Quyết định chấm dứt hợp đồng của mình cho Đ.

Đợi một thời gian nhưng không nhận được sổ nghỉ hưu theo quy định, nghi ngờ Đ lừa đảo chiếm đoạt tiền của mình nên nhiều công nhân đã liên tục hỏi thúc, yêu cầu Đ trả lại tiền. Sợ bị phát hiện, Đ thường xuyên đưa ra các thông tin như sắp có sổ hưu, qua tuần có sổ hưu, đã có sổ hưu và chuẩn bị giao cho mọi người... nhưng thực tế Đ không có sổ hưu để giao cho các công nhân. Đến ngày 21/8/2020, Đ trực tiếp đến Bưu điện thành phố Long Khánh gửi EMS (dịch vụ chuyển phát nhanh) sổ bảo hiểm xã hội, chứng minh nhân dân, Quyết định chấm dứt hợp đồng cho một số công nhân, nói dối là do chị Nguyễn Phương Thảo làm ở Bảo hiểm xã hội tỉnh Đồng Nai gửi trả. Khi trả lại các giấy tờ trên, Đ khẳng định sắp có sổ hưu, khi nào nhận sổ hưu thì đưa lại sổ bảo hiểm xã hội cho Đ để nộp cho Bảo hiểm xã hội tỉnh Đồng Nai. Do chỉ hứa hẹn, cam kết, không làm được hồ sơ hưởng chế độ hưu trí, cũng không trả lại tiền và trốn tránh nên các công nhân đã làm đơn tố cáo hành vi phạm tội của Đ.

Như vậy với hành vi gian dối và thủ đoạn nêu trên, Đ đã chiếm đoạt của 12 công nhân Công ty Cao su Đồng Nai với tổng số tiền là 706.600.000 đồng. Cụ thể:

ST T	Họ và tên bị hại	Năm sinh	Địa chỉ	Số tiền chiếm đoạt	Yêu cầu bồi thường
1	Đào Văn H2	1977	Khu phố T, phường X, thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai	68.000.000 đồng	68.000.000 đồng
2	Lê Văn C	1967	Ấp T1, xã Đ1, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.	44.600.000 đồng	44.600.000 đồng
3	Nguyễn Hữu H3	1977	Khu phố S, phường S, thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai	68.000.000 đồng	68.000.000 đồng
4	Nguyễn Thị Hồng Th	1976	Khu phố C1, phường S, thành phố Long Khánh, Đồng Nai.	74.000.000 đồng	74.000.000 đồng
5	Trần Thị H4	1975	Khu phố C1, phường S, thành phố Long Khánh,	74.000.000 đồng	74.000.000 đồng

			tỉnh Đồng Nai.		
6	Nguyễn Văn M	1974	Ấp T1, xã Đ1, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.	65.000.000 đồng	65.000.000 đồng
7	Trần Thị L	1970	Ấp Tân H5, xã Đ1, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai	85.000.000 đồng	85.000.000 đồng
8	Trương Thị Th1	1968	Ấp B, xã Đ1, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.	81.000.000 đồng	81.000.000 đồng
9	Lê Thị N1	1978	Ấp T1, xã Đ1, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.	46.000.000 đồng	46.000.000 đồng
10	Nguyễn Văn Đ2	1973	Ấp T1, xã Đ1, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.	24.000.000 đồng	24.000.000 đồng
11	Hà Văn Tr	1962	Ấp Tân H5, xã Đ1, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.	55.000.000 đồng	55.000.000 đồng
12	Đỗ Thị Ng	1966	Ấp Tân H5, xã Đ1, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.	22.000.000 đồng	22.000.000 đồng
Tổng cộng				706.600.000 đồng	706.600.000 đồng

Tại Cơ quan điều tra, bị cáo Nguyễn Thị Ngọc Đ đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như trên.

Tại Kết luận giám định số 492/KLGD-PC09 ngày 29 tháng 3 năm 2021 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đồng Nai kết luận: Chữ viết có nội dung “Đã nhận” và chữ viết trong mục “Người gửi/From:” và mục “Người nhận/To:” trên các tài liệu nêu ở phần mẫu cần giám định (ký hiệu từ A1 đến A13) so với chữ viết trên các tài liệu nêu ở phần mẫu so sánh (ký hiệu từ M1 đến M7) do cùng một người viết ra.

Tại Kết luận giám định số 992/KLGD-PC09 ngày 31 tháng 5 năm 2021 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đồng Nai, kết luận:

- Chữ viết “Đã nhận” tại mặt trước trang bìa trên các tài liệu được nêu ở phần mẫu cần giám định (ký hiệu A1, A2) so với chữ viết trên các tài liệu được nêu ở phần so sánh (ký hiệu từ M1 đến M8) do cùng một người viết ra.

- Chữ viết tại mặt trước trên các tài liệu được nêu ở phần mẫu cần giám định (ký hiệu A3, A6) so với chữ viết trên các tài liệu được nêu ở phần so sánh (ký hiệu từ M1 đến M8) do cùng một người viết ra.

Tại Công văn số 245/BHXXH-CĐBHXXH ngày 10 tháng 3 năm 2021 của Bảo hiểm xã hội tỉnh Đồng Nai xác định:

- Tại Bảo hiểm xã hội thành phố Long Khánh không có nhân viên nào mang tên Nguyễn Thị Minh Xuân và Nguyễn Phương Thảo. Tại Văn phòng Bảo hiểm xã hội tỉnh Đồng Nai có 01 nhân viên mang họ tên là Nguyễn Phương Thảo, tuy nhiên được phân công ở vị trí công việc Tổng hợp.

- 12 trường hợp người lao động mà Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đồng Nai cung cấp không có tên trong cơ sở dữ liệu giải quyết chế độ hưu trí.

Công văn số 55/CV-GĐYK ngày 10 tháng 3 năm 2021 của Trung tâm giám định y khoa thuộc Sở Y tế tỉnh Đồng Nai xác định: Trong 12 trường hợp người lao động do Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đồng Nai cung cấp:

- 01 trường hợp đủ điều kiện giám định mức suy giảm khả năng lao động giải quyết chế độ hưu trí: Đỗ Thị Ng, sinh năm 1966. Lý do: Đã 54 tuổi và đã đóng Bảo hiểm xã hội bắt buộc trên 20 năm.

- 01 trường hợp Nguyễn Văn Đ2, sinh năm 1973: đã đóng Bảo hiểm xã hội trên 20 năm, tuy nhiên làm việc trong điều kiện nặng nhọc độc hại nguy hiểm dưới 15 năm (14 năm 10 tháng), do đó chưa đủ điều kiện giám định mức suy giảm khả năng lao động giải quyết chế độ hưu trí.

- 10 trường hợp còn lại: chưa đủ điều kiện giám định mức suy giảm khả năng lao động giải quyết chế độ hưu trí. Lý do: thời gian đóng Bảo hiểm xã hội bắt buộc chưa đủ 20 năm.

- Không có hồ sơ giám định của 12 người lao động nêu trên.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đồng Nai đã thu giữ 01 thẻ nhớ màu đen nhãn hiệu Cruzer Glide 3.0 16GB, bên trong có 107 file ghi âm và 01 file video, không phát hiện thấy dấu hiệu cắt ghép, chỉnh sửa nội dung (Lưu kèm hồ sơ vụ án).

Đối với các Sổ bảo hiểm và Quyết định chấm dứt hợp đồng lao động thu giữ của anh Nguyễn Văn Đ2, chị Trương Thị Th1, chị Trần Thị L, anh Lê Văn C, chị Lê Thị N1, anh Đào Văn H2, anh Nguyễn Hữu H3, chị Nguyễn Thị Hồng Th, chị Trần Thị H4, anh Nguyễn Văn M, chị Đỗ Thị Ng và anh Hà Văn Tr, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đồng Nai đã trả lại cho những người bị hại theo quy định.

*Về trách nhiệm dân sự: Trong quá trình điều tra, những người bị hại yêu cầu bị cáo Nguyễn Thị Ngọc Đ bồi thường số tiền đã chiếm đoạt. Hiện bị cáo Đ chưa bồi thường.

I. Truy tố: Cáo trạng số: 5525/CT-VKS-P2 ngày 17 tháng 12 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai đã truy tố bị cáo Nguyễn Thị Ngọc Đ về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 của Bộ luật hình sự.

II. Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai:

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị:

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Ngọc Đ về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” từ **14 (mười bốn) năm đến 16 (mười sáu) năm tù;**

- Xử lý bồi thường theo quy định pháp luật.

- Buộc bị cáo PH2 chịu án phí theo quy định pháp luật.

III. Quan điểm của Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thị Ngọc Đ tại phiên tòa:

Thống nhất theo đề nghị truy tố của đại diện Viện kiểm sát về tội danh đối với bị cáo Nguyễn Thị Ngọc Đ. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, bị cáo Đ trong suốt quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo chưa có tiền án tiền sự; hoàn cảnh gia đình khó khăn. Đây là tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm s khoản 1 và 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo Đ.

IV Ý kiến của bị cáo: Tại phiên tòa, bị cáo cho rằng tất cả lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay bị cáo khai báo tự nguyện, không bị ép buộc, không bị ép cung hay bức cung. Kết luận điều tra cũng như Bản cáo trạng truy tố bị cáo ra trước tòa hoàn toàn phù hợp với hành vi của bị cáo đã thực hiện.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tụng tố tụng: Trong suốt quá trình điều tra, truy tố và xét xử cũng như tại phiên tòa, hành vi, quyết định tố tụng của những người tiến hành tố tụng phù hợp với quy định của pháp luật tố tụng hình sự, văn bản tố tụng được tổng đạt hợp lệ và đầy đủ, quyền được bào chữa và tự bào chữa của bị cáo được bảo đảm. Bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có khiếu nại gì về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó, hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đều phù hợp.

[2] Về tội danh:

Nguyễn Thị Ngọc Đ là công nhân Công ty CIBAO thuộc Khu Công nghiệp thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai. Mặc dù không được đào tạo, không có chức năng, nhiệm vụ, làm việc trong lĩnh vực giải quyết chế độ hưu trí cho người lao động nhưng để chiếm đoạt tiền của họ, Đ đã đưa ra thông tin gian dối là có

mối quan hệ với Bảo hiểm xã hội và Hội đồng giám định y khoa tỉnh Đồng Nai có thể làm được hồ sơ cho người lao động chưa đủ điều kiện (chưa đủ tuổi, chưa tham gia đủ 20 năm bảo hiểm xã hội bắt buộc, chưa đủ 15 năm làm nghề hoặc công việc đặc biệt nặng nhọc, độc hại) được hưởng chế độ hưu trí theo diện suy giảm khả năng lao động, bằng cách đóng tiền một lần cho thời gian tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc, làm nghề hoặc công việc đặc biệt nặng nhọc, độc hại còn thiếu, đồng thời lo kết quả giám định mức suy giảm khả năng lao động để được hưởng chế độ hưu trí theo quy định. Bằng thủ đoạn như trên, trong khoảng thời gian từ tháng 9 năm 2019 đến tháng 6 năm 2020, Đ đã lừa đảo chiếm đoạt của 12 công nhân Công ty Cao su Đồng Nai với tổng số tiền là 706.600.000 đồng;

Hành vi của bị cáo Nguyễn Thị Ngọc Đ đã phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 của Bộ luật Hình sự, như Cáo trạng của Viện kiểm sát đã viện dẫn và truy tố, là có căn cứ và đúng quy định pháp luật.

[3] Đánh giá về tích chất mức độ hành vi của bị cáo: Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm và đặc biệt nghiêm trọng, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật công nhận và bảo vệ, làm ảnh hưởng xấu đến cuộc sống của cộng đồng, tác động rất xấu đến tình hình trị an tại địa phương. Do vậy, cần pH2 áp dụng mức hình phạt thật nghiêm khắc tương xứng với tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo.

[3.1] + Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội 02 lần trở lên được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

+ Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Do vậy, Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

[4] Về biện pháp tư pháp:

Về trách nhiệm dân sự: Trong quá trình điều tra, những bị hại yêu cầu bị cáo Nguyễn Thị Ngọc Đ bồi thường số tiền đã chiếm đoạt, tổng số tiền là 706.600.000 đồng; tại phiên tòa, bị cáo đồng ý bồi thường cho các bị hại, nên ghi nhận. Cần buộc bị cáo bồi thường cho các bị hại tổng số tiền là 706.600.000 đồng.

Tại phiên tòa, đại diện hợp pháp của bị hại yêu cầu bị cáo ngoài số tiền chiếm đoạt của bị hại pH2 trả lại, còn pH2 bồi thường thêm cho 05 người bị hại là ông Đoàn Văn H2, ông Lê Văn C, ông Nguyễn Hữu H3, bà Nguyễn Thị Hồng Th, bà Trần Thị H4, mỗi người 72.000.000 đồng tiền lãi; vì 05 người này pH2 đi vay tiền người khác, nhưng không cung cấp được tài liệu chứng cứ nào để chứng minh, không phù hợp quy định pháp luật, nên không chấp nhận. Dành quyền khởi kiện cho các bị hại về phần thiệt hại phát sinh, khi có yêu cầu;

Đồng thời, đại diện hợp pháp của bị hại cũng yêu cầu chồng của bị cáo là ông Nguyễn H1 pH2 liên đới bồi thường tiền cho các bị hại; ông Hậu không đồng ý bồi thường, vì tiền bị cáo chiếm đoạt ông hoàn toàn không biết; ngoài ra, không phù hợp quy định pháp luật nên không được xem xét chấp nhận.

[5] Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên được ghi nhận.

[6] Lời bào chữa của Luật sư cho bị cáo tại phiên tòa có phần phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên được xem xét chấp nhận phần phù hợp.

[7] Về án phí:

Bị cáo pH2 chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 32.264.000 đồng án phí Dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo: Nguyễn Thị Ngọc Đ phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

1. Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 174, điểm s khoản 1 và 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017).

1.1. Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Ngọc Đ **16 (mười sáu) năm tù**. Thời hạn tù tính từ ngày 05 tháng 5 năm 2021.

2. Căn cứ Điều 48 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017); Điều 584, Điều 585, Điều 589 Bộ luật Dân sự:

2.1 Buộc bị cáo Nguyễn Thị Ngọc Đ bồi thường cho Đào Văn H2 số tiền 68.000.000 đồng;

2.2 Buộc bị cáo Nguyễn Thị Ngọc Đ bồi thường cho Lê Văn C số tiền 44.600.000 đồng;

2.3 Buộc bị cáo Nguyễn Thị Ngọc Đ bồi thường cho Nguyễn Hữu H3 số tiền 68.000.000 đồng;

2.4 Buộc bị cáo Nguyễn Thị Ngọc Đ bồi thường cho Nguyễn Thị Hồng Th số tiền 74.000.000 đồng;

2.5 Buộc bị cáo Nguyễn Thị Ngọc Đ bồi thường cho Trần Thị H4 số tiền 74.000.000 đồng;

2.6 Buộc bị cáo Nguyễn Thị Ngọc Đ bồi thường cho Nguyễn Văn M số tiền 65.000.000 đồng;

2.7 Buộc bị cáo Nguyễn Thị Ngọc Đ bồi thường cho Trần Thị L số tiền 85.000.000 đồng;

2.8 Buộc bị cáo Nguyễn Thị Ngọc Đ bồi thường cho Trương Thị Th1 số tiền 81.000.000 đồng;

2.9 Buộc bị cáo Nguyễn Thị Ngọc Đ bồi thường cho Lê Thị N1 số tiền 46.000.000 đồng;

2.10 Buộc bị cáo Nguyễn Thị Ngọc Đ bồi thường cho Nguyễn Văn Đ2 số tiền 24.000.000 đồng;

2.11 Buộc bị cáo Nguyễn Thị Ngọc Đ bồi thường cho Hà Văn Tr số tiền 55.000.000 đồng;

2.12 Buộc bị cáo Nguyễn Thị Ngọc Đ bồi thường cho Đỗ Thị Ng số tiền 22.000.000 đồng;

3. Dành quyền khởi kiện cho các bị hại về phần thiệt hại phát sinh, khi có yêu cầu.

4. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự, Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án:

Bị cáo pH2 nộp 200.000 đồng án phí Hình sự sơ thẩm và 32.264.000 đồng án phí Dân sự sơ thẩm.

5. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án bị cáo, các bị hại được quyền làm đơn kháng cáo bản án. Riêng, ông Nguyễn Văn Đ2 được quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án./.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN **THẨM PHÁN**
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

HỘI THẨM NHÂN DÂN

Nơi nhận:

- Bị cáo (2);
- Người bào chữa;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND cấp cao tại TP Hồ Chí Minh;
- Cơ quan cảnh sát điều tra-CA tỉnh ĐN;
- Cơ quan THA hình sự;
- CA tỉnh Đồng Nai (PC81);
- Trại tạm giam Công an tỉnh Đồng Nai (B5);
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai;
- Phòng Hồ sơ nghiệp vụ-CA Đồng Nai (PV27);
- Sở Tư pháp tỉnh Đồng Nai;
- Phòng KTNV và THA – TAND tỉnh ĐN (2);
- Lưu, TP.
- Lưu (4).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Dương Lê Bửu Thiện

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN**
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- Bị cáo (2);
- Người bào chữa;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND cấp cao tại TP Hồ Chí Minh;
- Cơ quan cảnh sát điều tra-CA tỉnh ĐN;
- Cơ quan THA hình sự;
- CA tỉnh Đồng Nai (PC81);
- Trại tạm giam Công an tỉnh Đồng Nai (B5);
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai;
- Phòng Hồ sơ nghiệp vụ-CA Đồng Nai (PV27);
- Sở Tư pháp tỉnh Đồng Nai;
- Phòng KTNV và THA – TAND tỉnh ĐN (2);
- Lưu, TP.
- Lưu (4).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Dương Lê Bửu Thiện

Nơi nhận:

- Bị cáo (2);
- Người bào chữa;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND cấp cao tại TP Hồ Chí Minh;
- Cơ quan cảnh sát điều tra-CA tỉnh ĐN;
- Cơ quan THA hình sự;
- CA tỉnh Đồng Nai (PC81);
- Trại tạm giam Công an Đồng Nai (B5);
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai;
- Phòng Hồ sơ nghiệp vụ-CA Đồng Nai (PV27);
- Sở Tư pháp tỉnh Đồng Nai;
- Phòng KTNV và THA – TAND tỉnh ĐN (2);
- Lưu, TP.
- Lưu (4).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Dương Lê Bửu Thiện

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

HỘI THẨM NHÂN DÂN

**THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THẨM PHÁN

**THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Thị Thu Minh

Đinh Thị Kiều Lương

HỘI THẨM NHÂN DÂN